

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **256**/KTNN - TH

Hà Nội, ngày **08** tháng **11** năm **2021**.

V/v gửi BCKT Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

**ĐẾN** Số: **5579**.....  
Ngày: **10.11.2021**

Chuyên: **B.T. -> K.H.T.C.**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thực hiện Quyết định số 1034/QĐ-KTNN ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tổng Kiểm toán nhà nước về kiểm toán Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng, Đoàn Kiểm toán nhà nước thuộc Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V đã tiến hành kiểm toán từ ngày 17 tháng 6 năm 2021 đến ngày 30 tháng 7 năm 2021 và từ ngày 23 tháng 9 năm 2021 đến hết ngày 29 tháng 9 năm 2021; đến nay Báo cáo kiểm toán đã hoàn thành.

Kiểm toán nhà nước trân trọng gửi tới đơn vị Báo cáo kiểm toán kèm theo Công văn này. /...u

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Chủ nhiệm Ủy ban TC-NS của Quốc hội;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Tổng Kiểm toán nhà nước;
- Phó Tổng KTNN Vũ Văn Hòa;
- KTNN chuyên ngành V;
- Các Vụ: PC; CĐ&KSCLKT; TH;
- Văn phòng KTNN (Phòng TK-TH);
- Lưu: VT, ĐKT.

**KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**  
**PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**



**Vũ Văn Hòa**

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện**  
**khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng**

**MẪU SỐ 01/BCKT-ĐAĐT**

**Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021**

**Mã tài liệu:..... (Ghi theo hướng dẫn của KTNN khi đưa vào lưu trữ)**

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2021

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện**  
**khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng**

Thực hiện Quyết định số 1034/QĐ-KTNN ngày 08/6/2021 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng (sau đây viết tắt là Dự án), Đoàn Kiểm toán nhà nước thuộc Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V đã tiến hành kiểm toán từ ngày 17/6/2021 đến ngày 30/7/2021 (tỉnh Kiên Giang thực hiện từ ngày 17/6/2021 đến 17/7/2021 và từ ngày 23/9/2021 đến ngày 29/9/2021 theo bút phê của lãnh đạo KTNN tại tờ trình số 395/TTr-CNV của Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành V ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc điều chỉnh phương án thực hiện kiểm toán đợt 2 năm 2021).

**1. Nội dung kiểm toán**

Nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện của Dự án; việc tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý đầu tư xây dựng, chế độ tài chính, kế toán và các chính sách pháp luật khác có liên quan.

**2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán**

**2.1. Phạm vi kiểm toán**

- Danh sách các đơn vị được kiểm toán (*chi tiết Phụ lục số 01/BCKT-DADT*).  
- Các gói thầu, hạng mục được kiểm toán (*chi tiết tại Phụ lục số 07.2/BCKT-DADT*).

- Thời kỳ được kiểm toán: Từ khi triển khai đến 31/3/2021 và các thời kỳ trước, sau có liên quan.

**2.2. Giới hạn kiểm toán**

- Thực hiện kiểm toán trên cơ sở hồ sơ, số liệu, tài liệu do đơn vị được kiểm toán cung cấp;

- Không thực hiện công tác kiểm định chất lượng thi công các công trình thuộc Dự án; không kiểm định chất lượng vật tư, thiết bị, máy móc đã thực hiện lắp đặt vào nhà máy; không kiểm tra thực tế các khối lượng hạng mục ngầm bị che khuất và trên cao đã lắp đặt cho công trình.

- Không kiểm kê tài sản, kiểm quỹ tiền mặt, không kiểm toán các nội dung thuộc về chi phí khác không được lựa chọn kiểm toán tại Phụ lục số 07.2/BCKT-DADT.

- Không kiểm toán công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.

- Không kiểm toán Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Không kiểm toán các tiểu dự án do UBND tỉnh Tây Ninh, UBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND tỉnh Lào Cai làm chủ đầu tư.

- Không kiểm toán chi tiết chi phí quản lý dự án tại Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng miền trung và Tây Nguyên.

## 1.1.2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi phí	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3	4= 3-2
	<b>TỔNG</b>	<b>331.530.312.765</b>	<b>302.708.621.078</b>	<b>301.202.649.456</b>	<b>(1.505.971.622)</b>
-	Chi phí GPMB, TĐC	27.905.924.917			
-	Chi phí xây dựng	210.213.728.000	210.213.728.000	208.889.173.128	(1.324.554.872)
-	Chi phí thiết bị	1.831.200.000	1.831.200.000	1.831.200.000	
-	Chi phí Quản lý dự án	33.437.199.453	33.437.199.453	33.437.199.453	
-	Chi phí Tư vấn và chi phí khác	58.087.988.395	57.226.493.625	57.045.076.875	(181.416.750)

\* Nguyên nhân chênh lệch: Giảm trừ 1.505.971.622 đồng; trong đó sai khối lượng 1.324.554.872 đồng, sai khác 181.416.750 đồng.

(Nguyên nhân chênh lệch tại Phụ lục 07.1/BCKT-ĐAĐT; 07.2/BCKT-ĐAĐT).

### 1.2. Ý kiến xác nhận về tính trung thực, hợp lý của số liệu, thông tin tài chính dự án

- **Trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán:** Lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện dự án theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo chi phí đầu tư thực hiện dự án được áp dụng; thực hiện kiểm soát nội bộ mà các Ban QLDA xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện dự án không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- **Trách nhiệm của Đoàn Kiểm toán nhà nước:** Đưa ra ý kiến độc lập về báo cáo nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện dự án của đơn vị lập dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán dựa trên căn cứ, phạm vi, giới hạn, các hồ sơ tài liệu do đơn vị cung cấp, tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện cuộc kiểm toán theo phương pháp chuyên môn cần thiết dựa trên xét đoán của kiểm toán viên để thu thập bằng chứng kiểm toán: đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện; xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện; đánh giá tính hợp lý, thích hợp của chính sách kế toán áp dụng.

#### - Ý kiến của Đoàn Kiểm toán nhà nước:

Trên cơ sở kết quả kiểm toán, ước lượng sai sót tổng thể 1.505,9 triệu đồng nhỏ hơn mức trọng yếu tổng thể của dự án là 2.084 triệu đồng. Các sai sót không trọng yếu, ảnh hưởng không lan tỏa. Theo ý kiến của Đoàn KTNN, ngoại trừ sự ảnh hưởng của phạm vi giới hạn kiểm toán cùng những hạn chế tồn tại nêu tại điểm 2 mục II và các phụ lục, xét trên khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện của Dự án do PCU, PIU Điện Biên, PIU Kiên Giang được lập phản ánh hợp lý, đúng đắn, trung thực về tình hình nguồn vốn đầu tư, chi phí đầu tư thực hiện và phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước và Nhà tài trợ.

Công tác quản lý, chỉ đạo, phối hợp, điều hành thực hiện dự án cơ bản được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà tài trợ và quy định của pháp luật có liên quan. Vốn đầu tư dự án được sử dụng đúng mục đích, nội dung, đối tượng theo quy định.

Công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt các tiểu dự án cơ bản được các chủ đầu tư tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

Công tác khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán: Công tác khảo sát thực hiện cơ bản thực hiện theo đề cương, nhiệm vụ khảo sát được duyệt và phù hợp với tiêu chuẩn khảo sát; công tác thiết kế được lập dựa trên cơ sở nhiệm vụ thiết kế và kết quả khảo sát được phê duyệt, phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế và thiết kế cơ sở đã được phê duyệt; dự toán được lập cơ bản phù hợp với các chế độ, chính sách của Nhà nước về định mức, đơn giá, khối lượng đưa vào dự toán phù hợp với khối lượng thiết kế, phù hợp với biện pháp thi công được duyệt.

Công tác lựa chọn nhà thầu, đàm phán, ký hợp đồng cơ bản được các chủ đầu tư thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn của Nhà tài trợ và quy định của pháp luật có liên quan. Công tác quản lý thực hiện hợp đồng cơ bản phù hợp điều khoản hợp đồng.

Công tác nghiệm thu, quyết toán đưa công trình vào sử dụng: Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đã cơ bản thực hiện theo quy định của nhà nước trong công tác nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành; khối lượng thanh toán phù hợp khối lượng theo hợp đồng được chủ đầu tư kiểm tra, xác nhận, đơn giá thanh toán phù hợp đơn giá hợp đồng.

Công tác quản lý tiến độ: Theo Quyết định số 1469/QĐ-BVHTTDL ngày 16/5/2014 của Bộ VHTT&DL phê duyệt đầu tư dự án và Hiệp định tín dụng ký với nhà tài trợ, thời gian thực hiện dự án dự kiến đến 30/6/2020. Đến thời điểm kiểm toán, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện thêm 01 năm, đến 30/6/2021, đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành.

Công tác quản lý chất lượng: Các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đã thực hiện quản lý chất lượng công trình theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng qua từng thời kỳ. Hồ sơ chất lượng công trình được lập cơ bản đầy đủ, phù hợp tiến độ thực hiện và được quản lý theo danh mục quy định.

Quản lý chi phí đầu tư: Khối lượng công việc thi công hoàn thành được các nhà thầu lập, tư vấn giám sát kiểm tra, chấp thuận trước khi trình chủ đầu tư phê duyệt cơ bản phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công. Giá trị thanh quyết toán A-B giữa chủ đầu tư và các nhà thầu về cơ bản phù hợp với quy định hợp đồng về đơn giá thanh toán và điều khoản của hợp đồng.

Công tác thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, việc bố trí vốn đối ứng để thực hiện dự án tại 2 tỉnh Điện Biên, Kiên Giang về cơ bản thực hiện theo Điều 33 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 về phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án.

Công tác quản lý tài chính kế toán được các đơn vị thực hiện theo quy định. Chế độ kế toán tuân thủ theo quy định của nhà nước, chế độ báo cáo thực hiện theo đúng quy định trong quản lý, sử dụng vốn ODA và quy định của Nhà tài trợ. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán độc lập theo quy định của ADB.

Việc chấp hành các quy định liên quan khác:

2014: Chưa nêu Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ; Chưa phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình;

### 2.2.2. Công tác khảo sát, lập, thẩm định, phê duyệt TKBVTC và Dự toán

#### a) Công tác khảo sát

Công tác khảo sát Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng còn một số tồn tại dẫn đến quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung nhiều nội dung, nhiều hạng mục<sup>1</sup>.

#### b) Công tác thiết kế

- Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng thiết kế chưa phù hợp theo quy định so với Tiêu chuẩn xây dựng, cụ thể:

+ Tư vấn thiết kế không thực hiện kiểm toán ổn định nền đường làm căn cứ đưa ra các giải pháp thiết kế gia cố nền đường điều chỉnh, chưa tuân thủ theo quy định tại Điều 7.1, Tiêu chuẩn TCVN4054-2005, các giải pháp thiết kế nền đường đắp trên đất yếu chưa được tính toán, kiểm toán ổn định theo quy định tại Điều 7.5.3, Tiêu chuẩn TCVN 4054-2005 tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô và 22TCN 262-2000 Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu;

+ Một số đoạn tuyến đi qua ruộng, ao, nhưng TKBVTC được duyệt chưa xem xét giải pháp thiết kế ổn định nền đường theo quy định tại Điều 7.5.2 Tiêu chuẩn TCVN 4054-2005<sup>2</sup>,

+ Trên tuyến có nhiều đoạn được thiết kế nền đường đào có chiều cao mái dốc nền đường đào lớn hơn 12m nhưng không được phân tích, kiểm toán ổn định theo quy định tại Điều 7.7.2 Tiêu chuẩn TCVN4054-2005<sup>3</sup>, để đảm bảo ổn định nền đường và an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

<sup>1</sup> - Công tác khảo sát địa hình và địa chất trên tuyến có một số vị trí chưa chính xác với thực địa dẫn đến có sự sai khác về khối lượng nền đường (đoạn từ Km5+700 – Km7+200); Một số đoạn tuyến phía tả luy âm dốc ngang lớn, địa chất yếu rời rạc, xuất hiện cung trượt, kèm theo nước ngầm (vết nứt dọc theo đường tại vị trí gần tim đường), có nguy cơ sạt trượt mất ổn định nền đường; Một số đoạn tuyến đi sát suối, ao của dân dễ xảy ra xói lở mất ổn định nền đường; Một số đoạn tuyến phía tả luy dương địa chất rời rạc, thường xuyên có mạch nước ngầm, xuất hiện cung trượt gây sạt lở, làm mất ổn định cho nền mặt đường; Đoạn từ Km14+00 đến Km15+400 nền, mặt đường cũ bị cao su, trôi lún, các lớp đất bên dưới có màu xám đen lẫn nhiều mùn rác hỗn tạp nhưng hồ sơ khảo sát bước BVTC không phát hiện dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thi công; Số liệu khảo sát địa chất tại công hộp 3x3m tại Km6+703,52 không chính xác dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thi công...(Theo Công văn 664/SGTVT-KT&QLGT ngày 17/4/2020 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Điện Biên về ý kiến phương án điều chỉnh thiết kế BVTC và dự toán công trình).

- Công tác khảo sát cường độ mặt đường cũ chưa tuân thủ theo đúng Đề cương được phê duyệt và quy định tại TCVN 8867:2011 về xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman (chỉ đo 277 điểm trên 17km, yêu cầu của Tiêu chuẩn là 20 điểm/1Km tương đương 340 điểm).

<sup>2</sup> Trường hợp nền đắp qua ruộng và các khu vực có nước đọng thường xuyên phải thiết kế vét lầy, thay đất. Khi có điều kiện nên dùng các loại vật liệu đắp rời rạc có bọc tầng lọc (như bọc vải địa kỹ thuật) để đắp trong phạm vi tích đọng nước thường xuyên hoặc dùng thêm vôi trộn với đất có tính dính để xử lý thay đất: các đoạn tại Km13+137 - Km13+160; Km13+335,72 – Km14+009,36 (trái tuyến); Km13+137 – Km13+195,44; Km13+305,31 – Km13+335,72; Km13+546,46 – Km13+657,21 (phải tuyến) ...(Theo Công văn số 3078/SGTVT-KT&QLGT ngày 17/12/2019 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Điện Biên về thông báo kết quả thẩm định điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình).

<sup>3</sup> Khi chiều cao mái dốc cao hơn 12 m phải tiến hành phân tích, kiểm toán ổn định bằng các phương pháp thích hợp tương ứng với trạng thái bất lợi nhất (đất, đá phong hoá bão hoà nước): (Km3+881,66 đến Km3+955,59; Km5+956,23 đến Km6+00;...)

+ Việc điều chỉnh thiết kế, dự toán phát sinh thuộc thẩm quyền của PIU Kiên Giang phê duyệt nhưng chưa báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng là chưa tuân thủ Điều 17, Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình<sup>1</sup>.

### 2.2.3. Công tác lựa chọn nhà thầu, thương thảo ký hợp đồng

- Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công xây dựng chậm ký Phụ lục hợp đồng điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Điều 36 và Điều 37, Điều kiện chung của Hợp đồng<sup>2</sup>. Khi tiến độ thực hiện Hợp đồng được gia hạn, nhưng Chủ đầu tư không yêu cầu nhà thầu gia hạn Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng chưa tuân thủ quy định tại Điều 60, Điều kiện chung của hợp đồng<sup>3</sup> (Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mùòng Phăng);

- Đối với gói thầu khảo sát Thiết kế bản vẽ thi công: Việc ký phụ lục hợp đồng số 185.1/PLHĐ-TVKS, trong đó có nội dung giảm khối lượng thực hiện của công tác Thí nghiệm đo mô đun đàn hồi bằng cần Bekelman thi công từ 340 điểm còn 277 điểm là chưa tuân thủ theo quy định tại mục 5.1.3.1 của Tiêu chuẩn TCVN 8867:2011 – Tiêu chuẩn quốc gia về Áo đường mềm - xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu cần đo vống Benkelman (Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mùòng Phăng).

### 2.2.4. Công tác quản lý tiến độ

\* Tiến độ thực hiện các tiểu dự án: Quá trình thực hiện mặc dù đã được gia hạn, nhưng đến thời điểm kiểm toán các công trình chưa nghiệm thu hoàn thành, chậm so với tiến độ được duyệt ban đầu. Cụ thể:

- Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mùòng Phăng, Công trình Trung tâm giao lưu văn hóa và thông tin du lịch Điện Biên Phủ: chậm hơn 18 tháng so với tiến độ được phê duyệt; Công trình Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích lịch sử) chậm 16 tháng; Công trình Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử chậm 26 tháng.

<sup>1</sup> Quyết định 01/QĐ-BTHDA ngày 20/2/2020 v/v phê duyệt dự toán bổ sung khối lượng các hạng mục công trình Tiểu Dự án: Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích quốc gia); Quyết định 02/QĐ-BTHDA ngày 6/3/2020 v/v phê duyệt dự toán bổ sung khối lượng các hạng mục công trình Tiểu dự án: cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang – hòn Phụ Tử (cầu phần 2).

<sup>2</sup> Theo Hợp đồng ban đầu số MP/2018/HĐ-XD tháng 11/2018, tiến độ thực hiện hợp đồng là 18 tháng, đến ngày 30/6/2020, nhưng đến ngày 23/6/2021 Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công xây dựng mới ký Phụ lục hợp đồng MP/2018/HĐXD-PL2 ngày gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng đến 30/6/2021; Công trình Trung tâm giao lưu văn hóa và thông tin du lịch Điện Biên Phủ, theo Hợp đồng ban đầu số 446/2019/HĐ-XD tháng 5/2019, tiến độ thực hiện hợp đồng là 8 tháng; nhưng đến ngày 14/6/2021 Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công xây dựng mới ký Phụ lục hợp đồng số 02.446/PLHĐ-XD ngày gia hạn tiến độ thực hiện hợp đồng đến 30/6/2021;

<sup>3</sup> Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng phải có hiệu lực đến hết ngày thứ 28 sau ngày cấp Chứng chỉ hoàn thành: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng đã hết hiệu lực (CT TNHH Tư vấn thiết kế và Xây dựng Ánh Tuyết hết hiệu lực vào ngày 29/6/2020; CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Huy Hoàng hết hiệu lực vào ngày 07/6/2020); Bảo lãnh tạm ứng cũng đã hết hiệu lực (CT TNHH Tư vấn thiết kế và Xây dựng Ánh Tuyết hết hiệu lực vào ngày 19/6/2020; CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Huy Hoàng hết hiệu lực vào ngày 27/6/2020),

Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, đã sắp hết thời gian được gia hạn nhưng nhiều nội dung, hạng mục đầu tư vẫn chưa được hoàn thành. Theo báo cáo đánh giá ngày 28/5/2021 của ADB, bốn trong số tám công trình dân dụng các gói thầu chậm triển khai do chậm thu hồi đất và chậm phê duyệt thay đổi hợp đồng. Quá trình gia hạn ngày kết thúc khoản vay mất nhiều thời gian (9 tháng) và vừa mới hoàn thành ngày 30/3/2021, gần đến thời điểm kết thúc gia hạn thời gian 30/6/2021.

#### 2.2.5. Công tác quản lý chất lượng công trình

Nhật ký thi công một số gói thầu chưa có xác nhận của Chủ đầu tư (Điện Biên). Một số hạng mục công việc chưa được ghi chép đầy đủ trong nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu; chưa ghi đầy đủ diễn biến điều kiện thi công (nhiệt độ,...), chưa mô tả, chưa đầy đủ, chi tiết các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thi công xây dựng công trình: Sơn đường, rãnh dọc gia cố,...<sup>1</sup>theo quy định tại Khoản 3, Điều 10, Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định một số nội dung về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

#### 2.2.6. Công tác quản lý chi phí đầu tư, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán

- Đến thời điểm kiểm toán, Chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu thi công đã nghiệm thu, quyết toán A-B theo đơn giá hợp đồng cơ bản phù hợp quy định. Tuy nhiên, công tác nghiệm thu thanh toán còn một số tồn tại, qua kiểm toán phát hiện chênh lệch giảm do sai khối lượng số tiền 1.324,5 triệu đồng, sai khác số tiền 181,4 triệu đồng (*Chi tiết tại Phụ lục số 07.2/BCKT-DADT*);

- Công tác tạm ứng hợp đồng: Chủ đầu tư (PIU Kiên Giang) tạm ứng cho đơn vị thi công bao gồm cả phần chi phí dự phòng là chưa phù hợp khoản b, ĐKCT 55.1 mục E quản lý chi phí của hợp đồng. Dẫn đến tăng giá trị tạm ứng 860 triệu đồng (Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử);

#### 2.3. Tuân thủ các quy định trong công tác quản lý tài chính kế toán

- Tại PCU, tổng số vốn đã giao là 144.743 triệu đồng, đạt 65,4% so với nhu cầu (144.743 triệu đồng/221.165 triệu đồng)<sup>2</sup>.

- Tại PIU Điện Biên, đơn vị đã lập Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công. Tuy nhiên, kế hoạch vốn hàng năm đối với phần vốn NSDP chưa phù hợp với kế hoạch vốn trung hạn tại quyết định 1188/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020. Cụ thể: Đến thời điểm 31/12/2020, Kế hoạch vốn trung hạn được phê

<sup>1</sup> (Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng; Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử).

<sup>2</sup> Thực tế, hàng năm vốn được giao cho dự án không sử dụng hết sẽ tự hủy theo quy định. Lũy kế số vốn tự hủy từ khi triển khai dự án cho đến thời điểm 31/03/2021 là 83.289 triệu đồng. Lũy kế số kế hoạch thực tế được giao hàng năm là 77.213 triệu đồng (số kế hoạch sau khi trừ đi số vốn bị hủy). Lũy kế số đã giải ngân là: 64.866 triệu đồng.



Ngoài ra, công tác thiết kế còn một số tồn tại, chưa chính xác, quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung một số nội dung (Điện Biên, Kiên Giang).

*Trách nhiệm thuộc đơn vị tư vấn thiết kế BVTC, cơ quan thẩm định (Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang; Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên).*

- Dự toán điều chỉnh Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng: tính sai khối lượng một số hạng mục với giá trị chênh lệch giảm 1.258,86 triệu đồng; Dự toán tính sai diện tích rà phá bom mìn, vật nổ, giá trị chênh lệch giảm 18,7 triệu đồng. *Trách nhiệm thuộc đơn vị tư vấn thiết kế BVTC, cơ quan thẩm định (Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên).*

- Công trình nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích lịch sử): Dự toán tính sai số học một số hạng mục công việc so với bản vẽ thiết kế; Việc điều chỉnh thiết kế, dự toán nhưng chưa báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh. *Trách nhiệm thuộc đơn vị tư vấn thiết kế BVTC, Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang và PIU Kiên Giang.*

### 3. Công tác lựa chọn nhà thầu, thương thảo ký hợp đồng

- PIU Điện Biên và Nhà thầu thi công xây dựng đã chậm ký Phụ lục hợp đồng điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng, Khi tiến độ thực hiện Hợp đồng được gia hạn, PIU Điện Biên không yêu cầu nhà thầu gia hạn Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định; Ký phụ lục hợp đồng số 185.1/PLHD-TVKS (Gói thầu khảo sát Thiết kế bản vẽ thi công), trong đó có nội dung giảm khối lượng thực hiện của công tác Thí nghiệm đo mô đun đàn hồi bằng cần Bekelman thi công từ 340 điểm còn 277 điểm chưa đúng quy định. *Trách nhiệm thuộc PIU Điện Biên.*

### 4. Công tác quản lý tiến độ

- Tiến độ thực hiện các tiểu dự án tại Điện Biên, Kiên Giang đều bị chậm so với tiến độ được duyệt: Công trình Nâng cấp đường vào sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng và Công trình Trung tâm giao lưu văn hóa và thông tin du lịch Điện Biên Phủ chậm hơn 18 tháng; Công trình Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích lịch sử) chậm 16 tháng; Công trình Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Từ chậm 26 tháng;

- Tiến độ thực hiện toàn Dự án bị kéo dài thêm 01 năm 06 tháng so với kế hoạch ban đầu. Đến thời điểm kiểm toán, đã sắp hết thời gian được gia hạn nhưng nhiều nội dung, hạng mục đầu tư vẫn chưa được hoàn thành.

### 5. Công tác quản lý chi phí đầu tư, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán

- Công tác nghiệm thu thanh toán còn một số tồn tại, qua kiểm toán phát hiện chênh lệch giảm do sai khối lượng số tiền 1.324,5 triệu đồng, sai khác số tiền 181,4 triệu đồng. *Trách nhiệm thuộc về các đơn vị nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công; tư vấn giám sát, PCU và PIU Kiên Giang, PIU Điện Biên.*

- Công tác tạm ứng hợp đồng: Chủ đầu tư tạm ứng cho đơn vị thi công bao gồm cả phần chi phí dự phòng làm tăng giá trị tạm ứng 860 triệu đồng (công trình Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Từ). *Trách nhiệm thuộc về PIU Kiên Giang.*

### 6. Tuân thủ các quy định trong công tác quản lý tài chính kế toán

- Tại PCU, tổng số vốn đã giao là 144.743 triệu đồng, đạt 65,4% so với nhu cầu (144.743 triệu đồng/221.165 triệu đồng).

Tiến độ thực hiện dự án bị kéo dài, đa số các công trình được đầu tư xây dựng đều hoàn thành chậm so với quy định làm chậm phát huy công năng sử dụng và tính hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án.

### **PHẦN THỨ BA KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN**

#### **1. Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Miền Trung và Tây Nguyên**

1.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tổng hợp chi phí đầu tư thực hiện đến hết ngày 31/3/2021 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

Giảm thanh toán:

90.502.750 đồng

*(Chi tiết tại Phụ lục 05/BCKT-DAĐT, 05a/BCKT-DAĐT)*

1.3. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

1.3.1. Chủ trì, phối hợp với PIU Điện Biên chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế kiểm tra, rà soát, tính toán lại công tác thiết kế đảm bảo theo đúng quy định như đã nêu tại mục 2.2.2. Căn cứ vào kết quả tính toán, phối hợp với chủ đầu tư và các cơ quan liên quan báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các giải pháp thiết kế điều chỉnh, bổ sung (nếu có) theo đúng quy định để đảm bảo tính ổn định của công trình và an toàn giao thông trong quá trình khai.

1.3.2. Đôn đốc các địa phương tham gia dự án khẩn trương hoàn thiện các nội dung của dự án đã được phê duyệt đảm bảo tiến độ, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

1.3.3. Thực hiện và đôn đốc các PIU kiểm kê tài sản phục vụ hoạt động của dự án, đề xuất phương án xử lý, báo cáo cơ quan chủ quản (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND các tỉnh tham gia dự án) theo quy định tại điều 93, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

#### **2. Đối với Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên**

2.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tổng hợp chi phí đầu tư thực hiện đến hết ngày 31/3/2021 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Điều chỉnh hạch toán chênh lệch tỷ giá hàng năm theo quy định tại Điểm 27, Điều 13, Chương II, Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư và Mục II, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

- Thu hồi nộp NSNN:

76.330.000 đồng

- Giảm thanh toán:

657.432.872 đồng

*(Chi tiết tại Phụ lục 05/BCKT-DAĐT, 05a/BCKT-DAĐT)*

2.3. Kiến nghị xử lý khác

2.3.1. Gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ: Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan, kiểm tra, rà soát khối lượng cọc BTCT thực tế thực hiện làm cơ sở quyết toán hợp đồng số tiền 14.584.000 đồng theo đúng quy định;

2.3.2. Trên cơ sở kết quả thực hiện theo kiến nghị của KTNN tại mục 2.4.3,

3.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tổng hợp chi phí đầu tư thực hiện đến hết ngày 31/3/2021 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

3.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

- Thu hồi tạm ứng do tạm ứng vượt quy định của hợp đồng của gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A) số tiền: 860.000.000 đồng;

- Giảm thanh toán: 667.122.000 đồng;

- Giảm giá trị khối lượng nghiệm thu đến kỳ sau: 3.514.771.810 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục 05/BCKT-ĐAĐT, 05a/BCKT-ĐAĐT)

3.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

3.3.1. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với những tồn tại trong công tác điều hành, công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp và địa phương còn chưa chặt chẽ, quyết liệt dẫn đến các vướng mắc trong giải phóng mặt bằng nhiều năm nhưng không được thực hiện dứt điểm, không thực hiện giải phóng được mặt bằng tại hạng mục tại ki ốt bán hàng; công tác thiết kế, dự toán, hợp đồng, công tác quản lý tiến độ thực hiện các tiểu dự án; công tác quản lý chất lượng công trình; công tác nghiệm thu, thanh toán; công tác tạm ứng hợp đồng đã được chỉ ra trong Báo cáo kiểm toán.

3.3.2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, chỉ đạo tư vấn và các nhà thầu khẩn trương hoàn thành các công trình đảm bảo theo đúng tiến độ và chất lượng.

3.3.3. PIU Kiên Giang lập hồ sơ phát sinh thiết kế, dự toán phát sinh báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 17, Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

3.3.4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan làm rõ trách nhiệm của các bên đối với những nguyên nhân chủ quan trong việc làm chậm tiến độ thực hiện các tiểu dự án như đã nêu trong Báo cáo kiểm toán, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3.5. Ý kiến tư vấn về các giải pháp để hoàn thiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

3.5.1. Tiếp tục báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan liên quan khẩn trương giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong bồi thường giải phóng mặt bằng, để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các tiểu dự án theo Quyết định số 2206/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3.5.2. Thực hiện kiểm kê tài sản phục vụ hoạt động của dự án, đề xuất phương án xử lý, báo cáo UBND tỉnh để xử lý theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

#### 4. Đối với UBND tỉnh Điện Biên

4.1. Chỉ đạo Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên nghiêm túc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

4.2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan, giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong việc thu hồi đất rừng để đảm bảo dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ.

4.3. Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư công

4.4. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót trong công tác thẩm định thiết kế, dự toán đã được nêu trong Báo cáo kiểm toán.

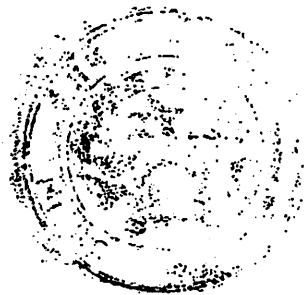
## CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

I. KIỂM TOÁN TỔNG HỢP: không

II. KIỂM TOÁN CHI TIẾT

1. Tại các Ban quản lý dự án

- 1.1 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Miền Trung và Tây Nguyên - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- 1.2 Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên
- 1.3 Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Kiên Giang



Phụ lục số 02/BCKT-ĐAĐT

**DANH MỤC CÔNG VĂN GỬI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

TT	Công văn gửi KBNN		Tên đơn vị ban hành công văn	Tên kho bạc giao dịch	Đơn vị được kiểm toán thực hiện kiến nghị
	Số	Ngày			
1	2	3	4	5	6
1	637/KBNN-CNV	08/11/2021	Kiểm toán Nhà nước	Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang	
2	638/KBNN-CNV	08/11/2021	Kiểm toán Nhà nước	Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên	
3	639/KBNN-CNV	08/11/2021	Kiểm toán Nhà nước	Kho bạc Nhà nước tỉnh TP. Thừa Thiên Huế	

## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị kiểm toán của KTNN đối với niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực ... gửi kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố )*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ....*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ....*”.

2. Đối với kiến nghị giám thanh toán vốn đầu tư XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (*Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh;...*) phải ghi rõ: “*Giám thanh toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số ..../KTNN-TH ngày ... tháng... năm .... và theo Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (*trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành*) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (*trường hợp dự án chưa quyết toán*).

**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**  
**DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH HỖ TRỢ CHO TĂNG TRƯỞNG TOÀN DIỆN**  
**KHU VỰC TIỂU VÙNG MỀ CÔNG MỞ RỘNG**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định		Thu hồi kinh phí thừa		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Giảm giá trị khối lượng nghiệm thu kỳ sau	Thu hồi, nộp khác
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Các cơ quan tổng hợp											
II	Các đơn vị HC, SN											
III	Các chủ đầu tư, Ban QLDA	5,866,159,432	0	76,330,000	0	860,000,000	0	0	0	1,415,057,622	3,514,771,810	0
1	Ban QLDA ĐTXD Miền Trung và Tây Nguyên	90,502,750								90,502,750		
2	Ban Thực hiện dự án du lịch tỉnh Điện Biên	733,762,872		76,330,000						657,432,872		
3	Ban thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mề Công mở rộng tỉnh Kiên Giang	5,041,893,810				860,000,000				667,122,000	3,514,771,810	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5,866,159,432</b>		<b>76,330,000</b>	<b>0</b>	<b>860,000,000</b>				<b>1,415,057,622</b>	<b>3,514,771,810</b>	<b>0</b>

*Ghi chú: Khoản thu hồi tạm ứng 860.000.000 đồng là khoản thu hồi vốn đầu tư*

**THUYẾT MINH KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021  
 DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH HỖ TRỢ CHO TĂNG TRƯỞNG TOÀN DIỆN  
 KHU VỰC TIỂU VÙNG MÊ CÔNG MỞ RỘNG**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
A	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai chế độ	76,330,000		
I	Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên	76,330,000		
1	Công trình: Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng (Cầu phần 1)	76,330,000		
-	Khảo sát bước thiết kế BVTC	57,577,000	Giảm giá trị hạng mục đo bản đồ TL 1/1000 do bước khảo sát lập dự án đã thực hiện và được nghiệm thu nhưng mới chỉ tính chi phí cho công tác đo vẽ bản đồ TL 1/2000	
-	Gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ	18,753,000	Giảm 1% diện tích rà phá do tính trùng chi phí đã thực hiện và thanh toán trong chi phí khảo sát lập phương án	
B	Thu hồi cho vay, tạm ứng sai quy định	860,000,000		
I	Ban thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Kiên Giang	860,000,000		
1	Tên gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử	860,000,000	Thu hồi giá trị tạm ứng do tạm ứng bao gồm chi phí dự phòng không phù hợp với khoản b mục 55.1 ĐKCT mục E quản lý chi phí của hợp đồng	Thu hồi vốn đầu tư
C	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	1,415,057,622		



STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD miền Trung và Tây Nguyên</b>	<b>90,502,750</b>		
1	Tư vấn hỗ trợ quản lý, thiết kế và xây dựng nâng cao năng lực (AMDI)	64,257,750	Giảm 64.257.750 đồng do khi nghiệm thu thanh toán đơn vị áp sai cấp công trình dân dụng, công trình giao thông tại tiểu dự án núi Đá Dựng	
2	Tư vấn giám sát	26,245,000	Giảm 26.245.000 đồng do thanh toán chi phí bồi hoàn chưa đúng theo quy định của hợp đồng	
<b>II</b>	<b>Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên</b>	<b>657,432,872</b>		
2.1	Gói thầu xây dựng Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng (Cầu phần 1)	486,656,000	Do giảm giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo quy định tại Điều 46.1*, Điều kiện chung của Hợp đồng.	
2.2	Gói thầu xây dựng Trung tâm giao lưu văn hóa và thông tin du lịch Điện Biên Phủ (Cầu phần 1)	170,776,872	Do giảm trừ khối lượng	
<b>III</b>	<b>Ban thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Kiên Giang</b>	<b>667,122,000</b>		
3.1	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05B): Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích lịch sử)	296,608,000	Do sai khối lượng	
3.2	Tên gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử	370,514,000	Do sai khối lượng	
<b>D</b>	<b>Giảm giá trị khối lượng nghiệm thu kỳ sau</b>	<b>3,514,771,810</b>		
<b>I</b>	<b>Ban thực hiện Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Kiên Giang</b>	<b>3,514,771,810</b>		

STT	Đơn vị, chỉ tiêu, nội dung kiến nghị	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05B): Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích lịch sử)	2,018,745,810	Do Dự toán tính sai số học khối lượng một số công tác như Cung cấp đất núi, đắp nền đường, đắp đất cống ngang đường D1000-H30...so với bản vẽ thiết kế. Khi ký Hợp đồng các bên chưa phát hiện để điều chỉnh dẫn đến phải giảm giá trị khối lượng khi nghiệm thu kỳ sau	
2	Tên gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử	1,496,026,000	Do hợp đồng tính sai khối lượng tại một số hạng mục: Nâng cấp đường vào khu du lịch và đầu tư mới đường cảnh quan trong khu du lịch phục vụ cho xe điện và người đi bộ, bao gồm cả hệ thống ống cấp nước sạch, cống thoát nước đồng bộ, chênh lệch -1.025.486.071 đồng; Xây dựng cầu tàu du lịch tại bờ Bắc bao gồm hệ thống lan can và các thiết bị an toàn chênh lệch -216.636.315 đồng, Lát đá granit vỉa hè chênh lệch -253.903.614 đồng. Khi ký Hợp đồng các bên chưa phát hiện để điều chỉnh dẫn đến phải giảm giá trị khối lượng khi nghiệm thu kỳ sau	
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>5,866,159,432</b>		

**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KHÁC**  
**DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH HỖ TRỢ CHO TĂNG TRƯỞNG TOÀN DIỆN**  
**KHU VỰC TIÊU VÙNG MÊ CÔNG MỞ RỘNG**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Đơn vị, nội dung kiến nghị	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	<b>Ban Thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiêu vùng Mê Công mở rộng tỉnh Điện Biên</b>	<b>1,273,452,000</b>		
1	Gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ: Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan, kiểm tra, rà soát khối lượng cọc BTCT thực tế thực hiện làm cơ sở quyết toán hợp đồng theo đúng quy định, số tiền	14,584,000	Do chưa có bằng chứng về việc sử dụng cọc BTCT khi thực hiện dò tìm, xử lý bom mìn theo quy định tại Định mức dự toán rà phá bom mìn vật nổ ban hành theo Quyết định số 117/2007/QĐ-BQP mã 020.0320x	
2	Trên cơ sở các kiến nghị của KTNN trong Báo cáo kiểm toán, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh giảm giá trị khi ký phụ lục hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán đối với phần điều chỉnh, bổ sung gói thầu xây dựng công trình Nâng cấp đường vào Sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng theo đúng quy định của Hợp đồng	1,258,868,000	Do dự toán điều chỉnh xác định sai khối lượng một số hạng mục so với hồ sơ thiết kế điều chỉnh được duyệt	

**CHI TIẾT NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN**  
**DỰ ÁN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH HỖ TRỢ CHO TĂNG TRƯỞNG**  
**TOÀN DIỆN KHU VỰC TIỂU VÙNG MÊ CÔNG MỞ RỘNG**

Đơn vị tính: Đồng

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số báo cáo</b>	<b>Số kiểm toán</b>	<b>Chênh lệch</b>
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = 2 - 1</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>343,183,017,629</b>	<b>343,183,017,629</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Nguồn vốn ODA (TW cấp phát)</b>	<b>255,402,415,214</b>	<b>255,402,415,214</b>	<b>0</b>
	<i>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	<i>62,370,590,298</i>	<i>62,370,590,298</i>	
	<i>Tỉnh Điện Biên</i>	<i>90,453,449,486</i>	<i>90,453,449,486</i>	
	<i>Tỉnh Kiên Giang</i>	<i>102,578,375,430</i>	<i>102,578,375,430</i>	<i>0</i>
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn đối ứng</b>	<b>87,780,602,415</b>	<b>87,780,602,415</b>	<b>0</b>
	Nguồn NSTW	2,495,874,643	2,495,874,643	
	Nguồn NSDP	85,284,727,772	85,284,727,772	
	<i>Tỉnh Điện Biên</i>	<i>34,426,750,447</i>	<i>34,426,750,447</i>	
	<i>Tỉnh Kiên Giang</i>	<i>50,857,977,325</i>	<i>50,857,977,325</i>	
<b>3</b>	<b>Nguồn vốn khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI TIẾT CHI ĐẦU TƯ**  
**DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH HỖ TRỢ CHO TĂNG TRƯỞNG TOÀN DIỆN**  
**KHU VỰC TIỂU VÙNG MỀ CÔNG MỞ RỘNG**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi phí	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Giá trị giải ngân đến 31/3/2021	Đề xuất xử lý tài chính			
						Sai khối lượng	Sai định mức, đơn giá	Sai khác		Thu hồi nộp NSNN	Giảm cấp phát, thanh toán	Thu hồi, nộp khác	Xử lý khác (nếu có)
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG</b>	<b>331,530,312,765</b>	<b>302,708,621,078</b>	<b>301,202,649,456</b>	<b>(1,505,971,622)</b>	<b>(1,324,554,872)</b>	<b>-</b>	<b>(181,416,750)</b>	<b>343,183,017,629</b>	<b>76,330,000</b>	<b>1,415,057,622</b>		<b>14,584,000</b>
	1 Chi phí GPMB, TĐC	27,905,924,917			-	-	-	-	52,376,165,523				
	2 Chi phí xây dựng	210,213,728,000	210,213,728,000	208,889,173,128	(1,324,554,872)	(1,324,554,872)	-	-	197,863,209,000		1,324,554,872		
	3 Chi phí thiết bị	1,831,200,000	1,831,200,000	1,831,200,000	-	-	-	-	1,831,200,000				
	4 Chi phí Quản lý dự án	33,437,199,453	33,437,199,453	33,437,199,453	-	-	-	-	33,228,264,863				
	5 Chi phí Tư vấn và chi phí khác	58,087,988,395	57,226,493,625	57,045,076,875	(181,416,750)	-	-	(181,416,750)	57,829,906,243	76,330,000	90,502,750		14,584,000
A	<b>BQLDA ĐTXD MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN</b>	<b>64,686,464,941</b>	<b>64,450,290,393</b>	<b>64,359,787,643</b>	<b>(90,502,750)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(90,502,750)</b>	<b>64,866,464,941</b>		<b>90,502,750</b>		
I	Chi phí GPMB, TĐC				-	-	-	-					
II	Chi phí xây dựng				-	-	-	-					
III	Chi phí thiết bị	1,831,200,000	1,831,200,000	1,831,200,000	-	-	-	-	1,831,200,000				
1	Mua sắm xe ô tô	1,008,000,000	1,008,000,000	1,008,000,000	-	-	-	-	1,008,000,000				
2	Nội thất và Thiết bị VP	823,200,000	823,200,000	823,200,000	-	-	-	-	823,200,000				
IV	Chi phí Quản lý dự án	17,190,563,204	17,190,563,204	17,190,563,204	-	-	-	-	17,190,563,204				
V	Chi phí Tư vấn	44,150,231,737	44,035,334,189	43,944,831,439	(90,502,750)	-	-	(90,502,750)	44,330,231,737		90,502,750		
1	Tư vấn hỗ trợ quản lý, thiết kế và xây dựng nâng cao năng lực (AMD)	33,934,969,069	33,934,969,069	33,870,711,319	(64,257,750)	-	-	(64,257,750)	33,934,969,069		64,257,750		
2	Kiểm toán độc lập	1,782,462,700	1,782,462,700	1,782,462,700	-	-	-	-	1,782,462,700				
3	Tư vấn giám sát	6,952,050,000	6,952,050,000	6,925,805,000	(26,245,000)	-	-	(26,245,000)	6,952,050,000		26,245,000		
4	Lấy mẫu quan trắc môi trường cho các tiểu dự án tại tỉnh Lào Cai	253,907,000	253,907,000	253,907,000	-	-	-	-	253,907,000				
5	Lấy mẫu quan trắc môi trường cho các tiểu dự án tại tỉnh Kiên Giang	299,201,000	299,201,000	299,201,000	-	-	-	-	299,201,000				
6	Lấy mẫu quan trắc môi trường cho các tiểu dự án tại tỉnh Hà Tĩnh	329,743,000	329,743,000	329,743,000	-	-	-	-	329,743,000				
7	Lấy mẫu quan trắc môi trường cho các tiểu dự án tại tỉnh Điện Biên	349,528,000	349,528,000	349,528,000	-	-	-	-	444,528,000				
8	Lấy mẫu quan trắc môi trường cho các tiểu dự án tại tỉnh Kiên Giang				-	-	-	-	85,000,000				
9	Tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT, Thẩm định giá	248,370,968	133,473,420	133,473,420	-	-	-	-	248,370,968				
-	Thẩm định giá thiết bị	2,100,000			-	-	-	-	2,100,000				
-	Thẩm định giá ô tô	2,000,000			-	-	-	-	2,000,000				
-	Lập HSMT & đánh giá HSDT gửi thầu Kiểm toán độc lập	3,567,801			-	-	-	-	3,567,801				
-	Thẩm tra HSMT, thẩm tra Báo cáo đánh giá HSDT gửi thầu Kiểm toán độc lập	2,102,688			-	-	-	-	2,102,688				

TT	Nội dung chi phí	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Giá trị giải ngân đến 31/3/2021	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác (nếu có)
						Sai khối lượng	Sai định mức, đơn giá	Sai khác		Thu hồi nộp NSNN	Giảm cấp phát, thanh toán	Thu hồi, nộp khác	
-	Lập HSMT & đánh giá HSDT gói thầu: Tư vấn hỗ trợ quản lý, thiết kế và xây dựng nâng cao năng lực	133,473,420	133,473,420	133,473,420	-	-	-	-	133,473,420				
-	Thẩm tra HSMT, thẩm tra Báo cáo đánh giá HSDT gói thầu: Tư vấn hỗ trợ quản lý, thiết kế và xây dựng nâng cao năng lực	57,838,482			-	-	-	-	57,838,482				
-	Lập HSMT & đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn giám sát	32,985,918			-	-	-	-	32,985,918				
-	Thẩm tra HSMT, thẩm tra Báo cáo đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn giám sát	14,302,659			-	-	-	-	14,302,659				
VI	Chi phí khác	1,514,470,000	1,393,193,000	1,393,193,000	-	-	-	-	1,514,470,000				
I	Phần mềm QL TCKT	52,590,000			-	-	-	-	52,590,000				
2	Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia: Du lịch MICE - Yêu cầu về địa điểm tổ chức sự kiện	417,048,000	417,048,000	417,048,000	-	-	-	-	417,048,000				
3	Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia: Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ	588,315,000	588,315,000	588,315,000	-	-	-	-	588,315,000				
4	Cung cấp dịch vụ và tổ chức phiên họp nhóm công tác du lịch GMS lần thứ 42 tại Phú Quốc	387,830,000	387,830,000	387,830,000	-	-	-	-	387,830,000				
5	Họp Ban chỉ đạo	46,550,000			-	-	-	-	46,550,000				
6	Trang Website	22,137,000			-	-	-	-	22,137,000				
B	<b>BAN THỰC HIỆN DỰ ÁN DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN</b>	136,780,209,806	119,427,002,668	118,678,655,796	(748,346,872)	(657,432,872)	-	(90,914,000)	124,880,199,933	76,330,000	657,432,872		14,584,000
B1	Công trình: Nâng cấp đường vào khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch ĐBP ở Mường Phăng (Cầu phần 1)	99,842,675,807	86,633,273,000	86,055,703,000	(577,570,000)	(486,656,000)	-	(90,914,000)	90,856,885,655	76,330,000	486,656,000		14,584,000
I	Chi phí GPMB, TĐC	13,157,402,807			-	-	-	-	13,157,402,807				
II	Chi phí xây dựng	78,528,835,000	78,528,835,000	78,042,179,000	(486,656,000)	(486,656,000)	-	-	69,859,295,000		486,656,000		
III	Chi phí thiết bị				-	-	-	-					
IV	Chi phí Quản lý dự án				-	-	-	-					
V	Chi phí Tư vấn	6,018,019,000	6,018,019,000	5,960,442,000	(57,577,000)	-	-	(57,577,000)	5,762,902,848	57,577,000			
1	Khảo sát bước lập dự án đầu tư	1,983,452,000	1,983,452,000	1,983,452,000	-	-	-	-	1,983,452,000				
2	Khảo sát bước thiết kế BVTC	1,622,373,000	1,622,373,000	1,564,796,000	(57,577,000)	-	-	(57,577,000)	1,622,373,000	57,577,000			
3	Thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán	214,458,000	214,458,000	214,458,000	-	-	-	-	171,665,848				
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu khảo sát bước BVTC; Gói thầu thiết kế, cắm mốc GPMB; gói thầu đo đạc quy chủ				-	-	-	-					
5	Thiết kế cắm mốc GPMB	734,429,000	734,429,000	734,429,000	-	-	-	-	630,000,000				
6	Đo đạc quy chủ	1,185,000,000	1,185,000,000	1,185,000,000	-	-	-	-	1,185,000,000				
7	Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát bước lập dự án				-	-	-	-					
8	Lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát bước lập dự án				-	-	-	-					

TT	Nội dung chi phí	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Giá trị giải ngân đến 31/3/2021	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác (nếu có)
						Sai khối lượng	Sai định mức, đơn giá	Sai khác		Thu hồi nộp NSNN	Giảm cấp phát, thanh toán	Thu hồi, nộp khác	
9	Gói thầu tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	170,412,000	170,412,000	170,412,000	-	-	-	-	170,412,000				
10	Gói thầu thẩm tra báo cáo NCKT	107,895,000	107,895,000	107,895,000	-	-	-	-					
11	Lập HSYC, đánh giá HSDX rà phá bom mìn, vật nổ				-	-	-	-					
VI	Chi phí khác	2,138,419,000	2,086,419,000	2,053,082,000	(33,337,000)	-	-	(33,337,000)	2,077,285,000	18,753,000			14,584,000
1	Gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ	1,875,285,000	1,875,285,000	1,841,948,000	(33,337,000)	-	-	(33,337,000)	1,875,285,000	18,753,000			14,584,000
2	Bảo hiểm công trình	211,134,000	211,134,000	211,134,000	-	-	-	-	150,000,000				
3	Thẩm định HSMT gói thầu xây lắp; thẩm định HSYC, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu rà phá bom mìn, vật nổ	52,000,000			-	-	-	-	52,000,000				
B2	Công trình: Trung tâm giao lưu văn hóa và thông tin du lịch Điện Biên Phủ (Cầu phần 1)	29,689,213,331	25,545,409,000	25,374,632,128	(170,776,872)	(170,776,872)	-	-	26,983,928,200		170,776,872		
I	Chi phí GPMB, TĐC	4,051,539,331			-	-	-	-	3,964,324,200				
II	Chi phí xây dựng	25,080,693,000	25,080,693,000	24,909,916,128	(170,776,872)	(170,776,872)	-	-	22,572,623,000		170,776,872		
III	Chi phí thiết bị				-	-	-	-					
IV	Chi phí Quản lý dự án				-	-	-	-					
V	Chi phí Tư vấn	528,155,000	464,716,000	464,716,000	-	-	-	-	418,155,000				
1	Gói thầu khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng	145,657,000	145,657,000	145,657,000	-	-	-	-	145,657,000				
2	Gói thầu khảo sát bước BVTC	96,696,000	96,696,000	96,696,000	-	-	-	-	96,696,000				
3	Gói thầu thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán	112,363,000	112,363,000	112,363,000	-	-	-	-	112,363,000				
4	Gói thầu thẩm định HSMT, đánh giá HSDT	63,439,000			-	-	-	-	63,439,000				
5	Gói thầu định vị cắm mốc GPMB và đo vẽ bản đồ phục vụ GPMB				-	-	-	-					
6	Gói thầu tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	110,000,000	110,000,000	110,000,000	-	-	-	-					
VI	Chi phí khác	28,826,000			-	-	-	-	28,826,000				
1	Gói bảo hiểm công trình + thiết bị	28,826,000			-	-	-	-	28,826,000				
2	Phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)				-	-	-	-					
3	Phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)				-	-	-	-					
4	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)				-	-	-	-					
5	Chi phí thẩm duyệt PCCC				-	-	-	-					
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán				-	-	-	-					
B3	Chi phí Quản lý dự án	7,136,195,668	7,136,195,668	7,136,195,668	-	-	-	-	6,927,261,078				
B4	Nâng cao năng lực thể chế nhằm thúc đẩy và quản lý tăng trưởng du lịch toàn diện (Cầu phần 3)	112,125,000	112,125,000	112,125,000	-	-	-	-	112,125,000				

TT	Nội dung chi phí	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Giá trị giải ngân đến 31/3/2021	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác (nếu có)
						Sai khối lượng	Sai định mức, đơn giá	Sai khác		Thu hồi nộp NSNN	Giảm cấp phát, thanh toán	Thu hồi, nộp khác	
C	BAN THỰC HIỆN DỰ ÁN DU LỊCH TỈNH KIÊN GIANG	130,063,638,018	118,831,328,017	118,164,206,017	(667,122,000)	(667,122,000)	-	-	153,436,352,755		667,122,000		
C.1	Công trình: Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh núi Đá Dựng (Cầu phần 1)	33,661,215,127	33,661,215,127	33,364,607,127	(296,608,000)	(296,608,000)	-	-	30,413,671,127		296,608,000		
I	Chi phí GPMB, TĐC	6,389,549,687							6,015,742,824				



TT	Nội dung chi phí	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Giá trị giải ngân đến 31/3/2021	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác (nếu có)
						Sai khối lượng	Sai định mức, đơn giá	Sai khác		Thu hồi nợ NSNN	Giảm cấp phát, thanh toán	Thu hồi, nộp khác	
II	Chi phí xây dựng	32,475,443,000	32,475,443,000	32,178,835,000	(296,608,000)	(296,608,000)	-	-	29,227,899,000		296,608,000		
2.1	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05B): Nâng cấp hạ tầng đi tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích lịch sử)	32,475,443,000	32,475,443,000	32,178,835,000	(296,608,000)	(296,608,000)	-	-	29,227,899,000		296,608,000		
a	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05B): hạng mục khu vực bãi đỗ xe điện tích 2500m2	2,559,514,534	2,559,514,534	2,528,579,534	(30,935,000)	(30,935,000)					30,935,000		
b	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05B): (các hạng mục còn lại trừ hạng mục khu vực bãi đỗ xe điện tích 2500m2)	29,915,928,466	29,915,928,466	29,650,255,466	(265,673,000)	(265,673,000)					265,673,000		
III	Chi phí tư vấn	1,483,894,591	1,185,772,127	1,185,772,127	-	-	-	-	1,483,894,591				
-	Khảo sát địa chất địa hình	557,280,000	557,280,000	557,280,000	-			-	557,280,000				
-	Rà phá bom mìn	126,004,127	126,004,127	126,004,127	-				126,004,127				
-	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	425,392,000	425,392,000	425,392,000					425,392,000				
-	Thi nghiệm bản nền tại hiện trường	77,096,000	77,096,000	77,096,000	-				77,096,000				
	Kiểm tra nghiệm thu công tác khảo sát	24,836,363							24,836,363				
	Thẩm định HSYC và kết quả lựa chọn nhà thầu	2,000,000							2,000,000				
	Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu	39,089,402							39,089,402				
	Thẩm tra thiết kế dự toán	89,060,124							89,060,124				
	Thẩm định hs mời thầu	36,287,580							36,287,580				
	Bảo hiểm công trình	86,577,995							86,577,995				
	Thẩm định giá	7,000,000							7,000,000				
	Hủy bom đạn vật nổ	2,471,000							2,471,000				
	Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường	10,800,000							10,800,000				
C.2	Công trình: Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử (Cầu phần 2)	76,059,672,309	76,059,672,309	75,689,158,309	(370,514,000)	(370,514,000)	-	-	107,373,003,001		370,514,000		
I	Chi phí GPMB, TĐC	4,307,433,092							29,238,695,692				
II	Chi phí xây dựng	74,128,757,000	74,128,757,000	73,758,243,000	(370,514,000)	(370,514,000)	-	-	76,203,392,000		370,514,000		
1.1	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử	74,128,757,000	74,128,757,000	73,758,243,000	(370,514,000)	(370,514,000)	-	-			370,514,000		
a	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): hạng mục Xây dựng bãi đỗ xe thứ 2 (diện tích 2.000m2), nền sân bãi bằng bê tông xi măng dày 22cm	2,691,391,971	2,691,391,971	2,654,592,971	(36,799,000)	(36,799,000)	-				36,799,000		



TT	Nội dung chi phí	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Giá trị giải ngân đến 31/3/2021	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác (nếu có)
						Sai khối lượng	Sai định mức, đơn giá	Sai khác		Thu hồi nộp NSNN	Giảm cấp phát, thanh toán	Thu hồi, nộp khác	
b	Gói thầu số 01 (TIIG-VIE-W05A): (các hạng mục còn lại trừ hạng mục Xây dựng bãi đỗ xe thứ 2 (diện tích 2.000m2), nền sân bãi bằng bê tông xi măng dày 22cm)	71,437,365,029	71,437,365,029	71,103,650,029	(333,715,000)	(333,715,000)					333,715,000		
II	<b>Chi phí tư vấn và chi phí khác</b>	<b>2,113,848,067</b>	<b>1,930,915,309</b>	<b>1,930,915,309</b>	-	-	-	-	<b>2,102,016,067</b>				
-	Khảo sát địa chất địa hình	666,969,867	666,969,867	666,969,867	-				666,969,867				
-	Rà phá bom mìn	344,821,174	344,821,174	344,821,174	-				344,821,174				
-	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	424,734,000	424,734,000	424,734,000	-				424,734,000				
-	Thẩm tra thiết kế dự toán	179,131,857	179,131,857	179,131,857	-				179,131,857				
-	Thẩm định hs mời thầu	100,000,000	100,000,000	100,000,000	-				100,000,000				
-	Bảo hiểm công trình	125,623,017	125,623,017	125,623,017	-				125,623,017				
-	Thi nghiệm nền nền tại hiện trường	89,635,394	89,635,394	89,635,394	-				89,635,394				
	Khảo sát lập phương án rà phá bom mìn	11,832,000											
	Kiểm tra nghiệm thu công tác khảo sát	27,502,446							27,502,446				
	Thẩm định HSYC và kết quả lựa chọn nhà thầu	2,000,000							2,000,000				
	Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu	89,237,312							89,237,312				
	Thẩm định giá	37,000,000							37,000,000				
	Hủy bom đạn vật nổ	6,761,000							6,761,000				
	Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường	8,600,000							8,600,000				
C.3	Nâng cao năng lực thể chế (Cầu phần 3)	54,272,000							54,272,000				
C.4	Chi phí Quản lý dự án	9,110,440,581	9,110,440,581	9,110,440,581	-				9,110,440,581				